

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của nhà văn phòng;
- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ 2 khu vệ sinh chung;
- Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt từ 2 khu vệ sinh của 02 chốt bảo vệ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước chung của thành phố tại ngõ 256 đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả vào cống thoát nước chung của thành phố tại ngõ 256 đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ phía Tây Bắc dự án qua 01 cửa xả.
- Tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2262385$; $Y(m) = 570993$ (hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

15 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải sau xử lý (từ 03 nguồn) theo đường cống BTCT D300 chảy vào cống thoát nước chung của thành phố tại ngõ 256 đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ, phía Tây Bắc dự án qua 01 cửa xả bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{max} = C \times K$ (Áp dụng hệ số $K = 1$ (do dự án thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ thương mại có diện tích sử dụng $29.508,6 \text{ m}^2 > 5.000 \text{ m}^2$); đối với thông số pH, Coliform thì $C_{max} = C$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) $C_{max} = C \times K$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	01 lần/năm theo đề nghị và cam kết của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của nhà văn phòng được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường cống BTCT D300 chảy về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ 02 khu vệ sinh chung được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường cống BTCT D300 chảy về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ 02 khu vệ sinh của 02 chốt bảo vệ được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường cống BTCT D300 chảy về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải phát sinh xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ theo đường cống BTCT D300 chảy ra cống thoát nước chung của thành phố tại ngõ 256 đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ qua 01 điểm xả phía Tây Bắc dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ: Nước thải các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó thu gom và đưa về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) → Công thoát nước chung của thành phố tại ngõ 256 đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ qua 01 cửa xả phía Tây Bắc dự án.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorin với khối lượng 36 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống bể xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống bể xử lý nước thải xảy ra sự cố: Chủ dự án đóng van xả nước thải ra điểm đầu nối vào công thoát nước chung của thành phố và dừng ngay hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải. Cử cán bộ kiểm tra, xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố đảm bảo hệ thống bể xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt mới tiếp tục xả nước thải vào công thoát nước chung của thành phố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng từ Quý II/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể thu gom của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hố ga sau bể khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm, trước khi chảy vào công thoát nước chung của thành phố.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 lần/ngày (01 mẫu đầu vào tại bể thu gom và 01 mẫu đầu ra tại hố ga sau bể khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm trước khi chảy ra công thoát nước chung của thành phố tại ngõ 256 đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ) trong 3 ngày liên tiếp (theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào công thoát nước chung của thành phố theo Văn bản số 1513/UBND-ĐT ngày 02/10/2023 của UBND thành phố Nam Định./.